



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng 12 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: **Viện Vật Liệu Xây Dựng**

Tiếng Anh/ in English: **Vietnam Institute for Building Materials**

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: **VICAS 073 - PRO**

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

Số 235 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tel: +84 24 38581111

Fax: +84 24 38581112

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ *Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Period of validation

Từ ngày/from / 12 / 2023 đến ngày/to 24 / 12 / 2026



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 243 7911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 5 theo ISO/IEC 17067: 2013 (tương ứng với phương thức 5 theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau đây/ *Product certification in accordance with scheme type 5 of ISO/IEC 17067: 2013 (equivalents to scheme type 5 of Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12 December, 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products:*

Stt No	Tên sản phẩm (Song ngữ Việt – Anh) <i>Product name (In Vietnamese and English)</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1.	Clanhke xi măng poóc lăng <i>Portland cement clinker</i>	TCVN 7024	VIBM.QT16.CT1	5
2.	Xi măng poóc lăng <i>Portland cements</i>	TCVN 2682 ASTM C150 / C150M BS EN 197-1	VIBM.QT16.CT1	5
3.	Xi măng poóc lăng hỗn hợp <i>Portland blended cement</i>	TCVN 6260 ASTM C1157/ C1157M BS EN 197-1	VIBM.QT16.CT1	5
4.	Xi măng poóc lăng bền sun phát <i>Sulfate resistant portland cement</i>	TCVN 6067 ASTM C150/ C150M	VIBM.QT16.CT1	5
5.	Xi hạt lò cao dùng sản xuất xi măng <i>Granulated blast furnace slag for cement production</i>	TCVN 4315	VIBM. QT16.CT2	5
6.	Xi hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa <i>Ground granulated blast furnace slag for concrete and mortar</i>	TCVN 11586 BS EN 15167-1	VIBM. QT16.CT2	5
7.	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho xi măng, bê tông và vữa <i>Activity admixture - Fly ash for concrete, mortar and cement</i>	TCVN 10302 ASTM C 618	VIBM. QT16.CT2	5
8.	Cốt liệu cho bê tông và vữa <i>Aggregates for concrete and mortar</i>	TCVN 7570	VIBM.QT16.CT3	5
9.	Cát nghiền cho bê tông và vữa <i>Crushed sand for concrete and mortar</i>	TCVN 9205	VIBM.QT16.CT3	5
10.	Tấm sóng amiăng xi măng <i>Asbestos -cement corrugated sheets</i>	TCVN 4435	VIBM.QT16.CT12	5
11.	Vữa xây dựng <i>Mortar for masonry</i>	TCVN 4314	VIBM.QT16.CT4	5



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 243 7911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

Stt No	Tên sản phẩm (Song ngữ Việt – Anh) <i>Product name (In Vietnamese and English)</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
12.	Vữa cho bê tông nhẹ <i>Mortar for lightweight concrete</i>	TCVN 9028	VIBM.QT16.CT4	5
13.	Kính nổi <i>Clear float glass</i>	TCVN 7218	VIBM.QT16.CT5	5
14.	Kính dán an toàn nhiều lớp <i>Laminated safety glass</i>	TCVN 7364	VIBM.QT16.CT5	5
15.	Kính tôi nhiệt <i>Heat treated glass</i>	TCVN 7455	VIBM.QT16.CT5	5
16.	Kính hộp gắn kín cách nhiệt <i>Sealed insulating glass</i>	TCVN 8260	VIBM.QT16.CT5	5
17.	Tấm thạch cao <i>Gypsum boards</i>	TCVN 8256 ASTM C1396/ C1396M	VIBM.QT16.CT12	5
18.	Sơn tường dạng nhũ tương <i>Wall emulsion paints</i>	TCVN 8652	VIBM.QT16.CT11	5
19.	Bột bả tường gốc xi măng poóc lăng <i>Portland cement - Based skim coat</i>	TCVN 7239	VIBM.QT16.CT11	5
20.	Gạch gốm ốp lát <i>Ceramic tiles</i>	TCVN 13113 ISO 13006 BS EN 14411	VIBM.QT16.CT6	5
21.	Đá ốp lát tự nhiên <i>Natural stone facing slabs</i>	TCVN 4732	VIBM.QT16.CT7	5
22.	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ <i>Artificial stone slabs based on organic binders</i>	TCVN 8057	VIBM.QT16.CT7	5
23.	Gạch đất sét nung <i>Hollow clay bricks</i>	TCVN 1450 TCVN 1451	VIBM.QT16.CT8	5
24.	Gạch bê tông <i>Concrete bricks</i>	TCVN 6477	VIBM.QT16.CT8	5
25.	Sản phẩm bê tông khí chưng áp <i>Autoclaved aerated concrete products</i>	TCVN 7959	VIBM.QT16.CT8	5
26.	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép <i>Precast extrusion concrete hollow core</i>	TCVN 11524	VIBM.QT16.CT10	5



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: +84 243 7911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; Website: <http://www.boa.gov.vn>

Stt No	Tên sản phẩm (Song ngữ Việt – Anh) <i>Product name (In Vietnamese and English)</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>	Thủ tục chứng nhận (quy định riêng) <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
	wall panels			
27.	Ván gỗ nhân tạo (*) <i>Wood-based panels</i>	TCVN 7753 TCVN 13181 TCVN 13262 EN 622-1 BS EN 13986 TCVN 11205 TCVN 11943	VIBM.QT16.CT13	5
28.	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí xổm (*) <i>Sitting water closet pan</i>	TCVN 12647	VIBM.QT16.CT9	5
29.	Thiết bị vệ sinh - Chậu rửa (*) <i>Sanitary appliances-Wash basins - Functional requirements and test methods</i>	TCVN 12648		5
30.	Thiết bị vệ sinh - Bệ xí bệt (*) <i>WC pans and WC sultes with integral trap</i>	TCVN 12649		5
31.	Sản phẩm sứ vệ sinh (*) <i>Sanitary ceramic wares – Secification for quality of vitreous china sanitary appliances</i>	TCVN 12650		5
32.	Bồn tiểu nam treo tường (*) <i>Wall-hung-urinals-Functional requirements and test methods</i>	TCVN 12651		5
33.	Bồn tiểu nữ (*) <i>Bidet-Functional requiments and test methods</i>	TCVN 12652		5

Ghi chú/ Note:

(*): Mở rộng phạm vi (10.2023)/ *Extended scope (October 2023)*